TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2023/DS-ST
Ngày: 18-5-2023;
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Quân**
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hải Phùng**;
Bà Nguyễn Thị Cờ;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà Trịnh Nguyễn Huyền My - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 190/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67 ngày 22 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 80 ngày 20 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam A** (sau đây viết tắt là A); Địa chỉ: 47 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Nhất Nguyên - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người được ủy quyền lại: Bà Đỗ Thị Lê; ông Nguyễn Lê Hoàng; ông Phạm Thanh Tùng; Địa chỉ: 70-72 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Bà Đỗ Thị Lê có mặt.

Bị đơn: **Ông Tôn Thất L**, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội; **Bà Trần Thị Thùy T**; sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: phường Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội; Hiện cư trú: phường Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội. Ông L, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, các lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau*:

Ngày 14/7/2020 A - Chi nhánh Hà Nội phòng giao dịch Hoàng Văn Thái và ông L, bà T đã ký Hợp đồng tín dụng từng lần số PHVT.CN.02140720. Theo hợp đồng, A cho ông L, bà T vay số tiền 1.800.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán mua bất động sản tại số 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội; Thời hạn vay: 180 tháng; lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ theo mẫu của A phù hợp với quy định của pháp luật, (cụ thể tại giấy nhận nợ: lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%; từ tháng thứ 7 kể từ ngày giải ngân),

thay đổi lãi suất định kỳ 3 tháng một lần, theo công thức lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + biên độ 4,25%).

Ngày 15/7/2020 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.800.000.000 đồng vào tài khoản của bên bán bất động sản 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, theo yêu cầu của ông L, bà T.

Ngày 30/7/2020 ông L, bà T và A đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số công chứng 03574.2020/HĐTC; quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD; theo hợp đồng, ông L, bà T thống nhất thế chấp bất động sản tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 6E-I-04, địa chỉ 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Ngày 30/7/2020 Chi nhánh khu vực Ba Đình Hoàn Kiếm Đống Đa đã chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận số AB 785600.

* Ngày 28/10/2020 ông L ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số PHVT.28/020 (sau đây viết tắt là Hợp đồng thẻ tín dụng); theo đó ông L đề nghị được cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là 100 triệu đồng; Bà Trần Thị Thùy T là người ký bảo đảm. Ngày 04/11/2020 ông L đã ký nhận thẻ - pin và đề nghị kích hoạt thẻ.

Ngày 15/01/2021 ông L, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông L, bà T, yêu cầu khách vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông L, bà T không thực hiện.

Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét:

1. Buộc ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T thanh toán cho A tổng số tiền nợ đến hết ngày 18/5/2023 là:

- Dư nợ khoản vay: 2.355.365.611 đồng, gồm:

Nợ gốc: 1.754.999.932 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 528.934.830 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 14.672.450 đồng.

Phạt chậm trả lãi: 56.758.398 đồng;

- Dư nợ khoản thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 18/5/2023 là 332.829.599 đồng, gồm:

Gốc: 96.990.686 đồng;

Phí phạt: 184.140.128 đồng;

Phí thường niên + sk: 2.740.00 đồng;

Lãi: 48.958.785 đồng

2. Buộc ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T thanh toán cho A số tiền lãi/phí phát sinh theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 19/5/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Kể từ ngày Bản án /Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo sau đây của khoản vay để xử lý thu hồi nợ của A: Bất động sản tại số 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà

Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 785600, MS: 10109212696, số QĐ cấp: 1317/2005/QĐ-UB do UBND quận Đống Đa cấp ngày 02/6/2005, chuyển nhượng cho ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 1240/2020/HĐCN ngày 24/6/2020;

4. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý các tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho A, thì ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay và hợp đồng Thẻ tín dụng.

* *Bị đơn – ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T*: đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên Tòa có ý kiến**:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

* Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 21, 26, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của A đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 18/5/2023 theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa A và ông L, bà T. Buộc bị đơn thanh toán trả A số tiền theo Hợp đồng tín dụng là 2.355.365.611 đồng và số tiền theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 332.829.599 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của A buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 19/5/2023 đến khi thanh toán hết nợ.

3. Chấp nhận yêu cầu của A về việc có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho A.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: A khởi kiện, yêu cầu ông L, bà T thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa A với ông L, bà T. Tranh chấp xuất phát từ hợp đồng dân sự giữa một bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Thẩm quyền: Trước khi thụ lý cho đến nay, ông L, bà T cư trú tại phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục tống đạt: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập đương sự đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét các Hợp đồng ký giữa A với ông L, bà T:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thấy:

Ngày 14/7/2020 A và ông L, bà T đã ký Hợp đồng tín dụng từng lần số PHVT.CN.02140720. Theo hợp đồng, A cho ông L, bà T vay số tiền 1.800.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản số 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận; …Ngày 30/7/2020 A và ông L, bà T đã ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng từng lần số PHVT.CN.02140720

Ngày 28/10/2020 A và ông L, bà T ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số PHVT.28/020, thông tin chủ thẻ là ông Tôn Thất L, chữ ký của bên bảo đảm là bà Trần Thị Thùy T. Theo hợp đồng, hạn mức tín dụng mong muốn là 100.000.000 đồng; Ngân hàng phê duyệt hạn mức là 100.000.000 đồng; loại tài sản bảo đảm: Bất động sản tại địa chỉ số 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Nhận thấy: Các Hợp đồng đều được lập bằng văn bản; Chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Hình thức và nội dung của các hợp đồng phù hợp pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 117, 118, 119, 385, 398, 401, 463, 465 và Điều 467 Bộ luật dân sự; do đó, các thoả thuận trong hợp đồng có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền, nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng.

2.2. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời thừa nhận của đương sự trong vụ án thấy:

A đã giải ngân số tiền vay 1.800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng; ông L, bà T đã ký giấy nhận nợ; Tính đến ngày 18/5/2023 ông L, bà T đã trả ngân hàng số tiền 130.650.530 đồng (gồm gốc 45.000.056 đồng, lãi đã trả 85.604.793 đồng, phạt đã trả 45.681 đồng); ông L, bà T hiện còn nợ số tiền: 1.754.999.932 đồng.

Ngày 14/9/2020 ông Tôn Thất L đã ký biên nhận thẻ - pin và đề nghị kích hoạt thẻ; quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L đã sử dụng số tiền vay 102.796.400 đồng, đã thanh toán số tiền 5.805.714 đồng; còn nợ số tiền gốc 96.990.686 đồng;

Như vậy, yêu cầu của A về việc buộc ông L, bà T thanh toán số toàn bộ nợ gốc theo 02 Hợp đồng trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 của điều kiện và điều khoản vay kèm theo Hợp đồng tín dụng; phù hợp với Điều 280, 281, 466 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận. Buộc ông L, bà T trả cho A số tiền nợ gốc trên.

2.3. Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi theo các Hợp đồng:

Theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng, các bên thống nhất: Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm giải ngân

và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ theo mẫu của A phù hợp với quy định của pháp luật, (cụ thể tại giấy nhận nợ: lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%; từ tháng thứ 7 kể từ ngày giải ngân), thay đổi lãi suất định kỳ 3 tháng một lần, theo công thức lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + biên độ 4,25%).

Điều 17 của Hợp đồng tín dụng các bên thống nhất thỏa thuận: Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo quy định trong hợp đồng/ Giấy nhận nợ tương ứng tại thời điểm chuyện nợ quá hạn, tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp chậm trả lãi, bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả…

Tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký giữa A và ông L, các bên thống nhất: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay thông qua phát hành thẻ gồm: lãi suất thẻ tín dụng là lãi suất áp dụng đối với dư nợ của thẻ theo thỏa thuận; lãi suất quá hạn là lãi suất áp dụng đối với dư nợ của thẻ đang trong tình trạng quá hạn, mức lãi suất và thời điểm bắt đầu áp dụng lãi quá hạn được A quy định trong từng thời kỳ.

Hội đồng xét xử nhận định: Thỏa thuận về mức lãi suất A áp dụng đối với khoản vay của ông L, bà T tại Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; phù hợp với các Quyết định của Ngân hàng về việc điều chỉnh mức lãi suất đối với từng thời điểm, phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 280, 281, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của A, buộc ông L, bà T phải trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi (theo hợp đồng tín dụng); tiền lãi, phí (theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) tính hết ngày 18/5/2023, số tiền theo Hợp đồng tín dụng là 600.365.679 đồng, gồm: Nợ lãi trong hạn: 528.934.830 đồng; Nợ lãi quá hạn: 14.672.450 đồng; Phạt chậm trả lãi: 56.758.398 đồng; Số tiền nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 235.838.913 đồng, gồm: Lãi: 48.958.785 đồng; Phí phạt: 184.140.128 đồng; Phí thường niên + sao kê: 2.740.00 đồng;

Buộc ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T tiếp tục phải chịu tiền lãi/phí phát sinh theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 19/5/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.4. Xét yêu cầu của A đối với việc xử lý tài sản thế chấp khi ông L, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán:

A, ông L, bà T đã thống nhất ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số công chứng 03574.2020/HĐTC, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2020. Theo Hợp đồng, các bên thống nhất để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông L, bà T tại A; nghĩa vụ hoàn trả các khoản A đã thanh toán thay cho Bên thế chấp như các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến việc định giá, công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm, bảo hiểm, xử lý tài sản bảo đảm và các chi phí khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bên thế chấp phải thanh toán…; Ông L,

bà T đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình tại thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 6E-I-04 địa chỉ số 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội; tài sản gắn liền với đất là nhà bê tông 02 tầng…

Ngày 31/7/2020 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh khu vực Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa đã chứng nhận việc thế chấp giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận AB 785600 đã được đăng ký theo những nội dung kê khai tại phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số công chứng 03574.2020/HĐTC, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2020 được lập văn bản, được công chứng theo quy định; Theo hợp đồng, các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; các bên có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định pháp luật; mục đích, nội dung thỏa thuận của các bên không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch tự nguyện, đã đọc lại, ký tên; Sau khi thế chấp, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định; Xác định Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật; các bên có quyền, nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện các thỏa thuận đã ký. Yêu cầu của A về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp ông L, bà T không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 298, 317, 318, 319, 320 Bộ luật dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm"; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, chấp nhận yêu cầu của A về việc xử lý tài sản bảo đảm.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

* Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông L, bà T đều vắng mặt, không có lý do, không thể hiện quan điểm, ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xét.

[3]. Chi phí xem xét thẩm định: A tự chi phí và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của A.

[4]. Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, ĐIều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 116, 117, 118, 119, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 280, 466, 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Điều 27, 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm".

- Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam A khởi kiện đối với ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T về việc thanh toán tiền theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

- Xác nhận ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T nợ và buộc ông L, bà T trả Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền theo 02 hợp đồng tính đến ngày 18/5/2023 là 2.688.195.210 đồng (hai tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm mười đồng), cụ thể:

+. Hợp đồng tín dụng từng lần số PHVT.CN.02140720 ngày 14/7/2020, tổng cộng số tiền 2.355.365.611 đồng, gồm:

Nợ gốc: 1.754.999.932 đồng.;

Nợ lãi trong hạn: 528.934.830 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 14.672.450 đồng;

Phạt chậm trả lãi: 56.758.398 đồng;

+. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số PHVT.28/020 ngày 28/10/2020, tổng cộng 332.829.599 đồng, gồm:

Nợ gốc: gốc 96.990.686 đồng;

Lãi: 48.958.785 đồng;

Phí phạt: 184.140.128 đồng;

Phí thường niên + sao kê: 2.740.00 đồng;

- Buộc ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T tiếp tục phải trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi, phí phát sinh của các hợp đồng trên từ ngày 19/5/2023, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 6E-I-04 (được tách từ thửa đất số 33 tờ bản đồ 6H-I-04), địa chỉ: Số 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 785600; MS

10109212696, số QĐ cấp 1317/2005/QĐ-UB đứng tên ông Tôn Thất L, bà Trần Thị Thùy T.

Khi có quyết định thi hành án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc các tổ chức, cá nhân hiện đang chiếm hữu, sử dụng nhà đất tại tại thửa đất số thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 6E-I-04, địa chỉ: Số 38 ngách 9 ngõ Đền Tương Thuận, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội phải di dời khỏi nhà đất nói trên để đảm bảo việc thi hành án.

2. Án phí: Ông Tôn Thất L và bà Trần Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự là 85.763.904 đồng (tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng). Ngân hàng TMCP Việt Nam A không phải chịu án phí; Hoàn trả Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền tạm ứng án phí dân sự 37.665.000 đồng (ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0071082 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Ngân hàng TMCP Việt Nam A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông L, bà T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Quân